TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7-2024
"V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thúy An;
2. Bà Sử Thị Huyền Trang.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận không tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024 về việc *"Ly hôn và tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121A/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp BP, xã VBN, huyện VT, tỉnh K; *có mặt*

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1970; địa chỉ: ấp BP, xã VBN, huyện VT, tỉnh K; *có đơn xin vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/01/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T bày:

Về hôn nhân: Bà T và ông T trên cơ sở tự nguyện yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến nay thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do trong cuộc sống hôn nhân xuất hiện nhiều quan điểm không hợp nhau dẫn đến bất đồng ý kiến, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Hiện tại bà T nhận thấy vợ chồng

mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn dành tình cảm cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên, bà T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

Về con chung: Trong thời kì hôn nhân, bà T và ông T có 02 người con chung tên Nguyễn Hữu Tại, sinh ngày 08/10/2001, giới tính nam và Nguyễn Hữu Nghị, sinh ngày 27/03/2007, giới tính nam. Hiện cháu Nghị đang sống cùng bà T. Bà T yêu cầu được nuôi cháu Nghị, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Tại đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 12/7/2024 bị đơn ông Nguyễn Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà T trên cơ sở tự nguyện yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới vào năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc thường xảy ra mâu thuẫn, lý do mâu thuẫn là do trong cuộc sống hôn nhân xuất hiện nhiều quan điểm không hợp nhau dẫn đến bất đồng ý kiến. Hiện tại ông T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn dành tình cảm cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà T yêu cầu được ly hôn, ông Nguyễn Minh T đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong thời kì hôn nhân, ông T và bà T có 02 người con chung tên Nguyễn Hữu Tại, sinh ngày 08/10/2001, giới tính nam và Nguyễn Hữu Nghị, sinh ngày 27/3/2007, giới tính nam, hiện cháu Nghị đang sống cùng bà T. Ông T đồng ý giao cháu Nghị cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Tại đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn là ông Nguyễn Minh T có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông T.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Bà Nguyễn Thị T xin ly hôn với ông Nguyễn Minh T và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung nên quan hệ tranh chấp được xác định là "Ly hôn và tranh chấp nuôi con".

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà T và ông T sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2000 nhưng ông bà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, hôn nhân của ông bà không có giá trị pháp lý và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay bà T yêu cầu ly hôn, ông T đồng ý ly hôn. Do đó, căn cứ các Điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Minh T.

[4] *Về con chung:* Trong thời kì hôn nhân, bà T và ông T có 02 người con chung tên Nguyễn Hữu Tại, sinh ngày 08/10/2001, giới tính nam và Nguyễn Hữu Nghị, sinh ngày 27/3/2007, giới tính nam. Hiện cháu Tại đã trưởng thành, bà T và ông T thống nhất không yêu cầu nên không xem xét. Hiện cháu Nghị đang sống cùng bà T, cuộc sống cháu vẫn được đảm bảo. Qua xác minh, bà T đủ điều kiện nuôi con, cháu Nghị cũng có nguyện vọng được sống cùng bà T. Vì vậy, giao cháu Nghị cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu nên không xem xét.

[6] *Về án phí sơ thẩm:* Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà T là Nguyên đơn phải chịu án phí là 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0002241 ngày 09/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, khoản 1 Điều 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Minh T.

2. *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Hữu Nghị cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Minh T có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. *Về án phí sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị T là Nguyên đơn phải chịu án phí là 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0002241 ngày 09/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt (ông Nguyễn Minh T) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Bình Nam;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kiều Diễm